

Số: *1137* /QĐ-UBND

Tiền Giang, ngày 05 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện
Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 12/2016/TT-BXD ngày 29/6/2016 của Bộ Xây dựng quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và đồ án quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng khu chức năng đặc thù;

Căn cứ Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang về việc phê duyệt Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045;

Theo đề nghị của Sở Xây dựng tại Tờ trình số 870/TTr-SXD ngày 23/4/2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông tổ chức triển khai thực hiện Quy định quản lý theo Đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045 kèm theo Quyết định này.

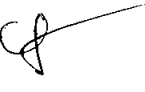
Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên Môi trường, Kế

hoạch và Đầu tư, Tài chính, Giao thông vận tải, Công thương, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Văn hóa Thể thao và Du lịch, Y tế, Giáo dục và Đào tạo; Ban quản lý Các khu công nghiệp tỉnh; Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông; Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn thuộc huyện Gò Công Đông; Thủ trưởng các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.


Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. / *lu*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, các PCT;
- VP: PVP N. H. Đức;
- Lưu VT, KTTC(Khuong).

146 

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH *me*
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH


Phạm Anh Tuấn

**QUY ĐỊNH
QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG VÙNG
HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG
ĐẾN NĂM 2030 VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045**
*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1137/QĐ-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020
của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

**Phần I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Đối tượng áp dụng

1. Quy định này hướng dẫn việc quản lý, phát triển, quy hoạch các đô thị, nông thôn, các công trình hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đến năm đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 10/4/2020.

2. Quy định này áp dụng đối với tất cả các tổ chức, cá nhân thực hiện việc quản lý phát triển đô thị, đầu tư xây dựng, cải tạo chỉnh trang đô thị trên địa bàn huyện Gò Công Đông, đảm bảo theo đúng đồ án đã được phê duyệt.

3. Quy định này là cơ sở pháp lý để các cơ quan quản lý kiến trúc, quy hoạch, xây dựng của tỉnh, của huyện Gò Công Đông quản lý đầu tư xây dựng và làm căn cứ để xác lập nhiệm vụ và nội dung quy hoạch chung, quy hoạch xây dựng, quy hoạch nông thôn các khu vực trong huyện.

Điều 2. Nguyên tắc Lập Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045

Quy định quản lý theo đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045 được lập trên cơ sở đồ án Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh Tiền Giang phê duyệt tại Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 10/4/2020 và tuân thủ quy định tại Điều 9 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng.

**Phần II
QUY ĐỊNH QUẢN LÝ THEO ĐỒ ÁN QUY HOẠCH XÂY DỰNG
VÙNG HUYỆN GÒ CÔNG ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG ĐẾN NĂM 2030
VÀ ĐỊNH HƯỚNG ĐẾN NĂM 2045**

Điều 3. Phạm vi, ranh giới, quy mô dân số, đất đai vùng quản lý

1. Phạm vi, ranh giới

1.1. Phạm vi vùng quản lý: Toàn bộ địa giới hành chính của huyện Gò Công Đông; Diện tích tự nhiên: 27.324,3 ha (273,243 km²).

1.2. Ranh giới:

- Phía Bắc: Giáp huyện Cần Đước, tỉnh Long An..
- Phía Đông Bắc: Giáp huyện Cần Giờ, thành phố Hồ Chí Minh.
- Phía Đông: Giáp biển Đông.
- Phía Nam: Giáp huyện Tân Phú Đông.
- Phía Tây: Giáp thị xã Gò Công.
- Phía Tây Nam: Giáp huyện Gò Công Tây.

2. Quy mô dân số

2.1. Dân số hiện trạng toàn huyện năm 2019 là 139.200 người.

2.2. Đến năm 2030: Dân số toàn vùng huyện dự kiến khoảng 157.500 người; Trong đó dân số đô thị khoảng 55.125 người; dân số nông thôn khoảng 102.375 người; Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 35%.

2.3. Đến năm 2045: Dân số toàn vùng huyện dự kiến khoảng 191.100 người; Trong đó dân số đô thị khoảng 76.500 người; dân số nông thôn khoảng 114.600 người; Tỷ lệ đô thị hóa đạt khoảng 40%.

3. Quy mô đất đai

3.1. Tổng diện tích đất tự nhiên đến năm 2030: 27.324,3 ha. Trong đó:

- Đất sản xuất nông nghiệp: 16.787,5 ha (chỉ tiêu: 1.065,9 m²/người).
- Đất phi nông nghiệp: 9.729,5 ha (chỉ tiêu: 617,7 m²/người).
- Đất dự phòng (chưa sử dụng): 807,28 (chỉ tiêu 51,3 m²/người).

3.2. Tổng diện tích đất tự nhiên đến năm 2045: 27.324,3 ha. Trong đó:

- Đất sản xuất nông nghiệp: 15.392,0 ha (chỉ tiêu: 805,4 m²/người).
- Đất phi nông nghiệp: 11.932,3 ha (chỉ tiêu: 624,4 m²/người).

Điều 4. Quy định về các vùng phát triển, các không gian phát triển kinh tế

1. Quy định đối với vùng, không gian phát triển công nghiệp

1.1. Định hướng vùng, không gian phát triển công nghiệp trên địa bàn huyện phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch phát triển ngành công nghiệp tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 695/QĐ-UBND ngày 16/3/2018.

1.2. Công nghiệp đa ngành nghề, kho cảng: Hình thành vùng công nghiệp tập trung, công nghiệp cảng và kho dọc sông Soài Rạp, sông Vàm Cỏ trên cơ sở các khu, cụm công nghiệp hiện hữu và xây dựng mới. Bao gồm KCN Dịch vụ dầu khí Soài Rạp, CCN Gia Thuận 1, CCN Gia Thuận 2, Tổng Kho dầu khí Soài Rạp – Nam Sông Hậu Petro, Nhà máy chế biến Condensate Nam Sông Hậu Tiền Giang, dự án Kho xăng dầu, khí hóa lỏng, khí thiên nhiên và các sản phẩm sau dầu mỏ và các khu công nghiệp phát triển sau năm 2030 sẽ gắn kết

với thị trấn Vàm Láng.

1.3. Công nghiệp năng lượng:

- Trung tâm điện lực Tân Phước: Gồm các nhà máy điện sử dụng nhiên liệu khí thiên nhiên hóa lỏng (LNG).

- Nhà máy điện gió: Với lợi thế tiếp cận biển Đông, huyện Gò Công Đông sẽ hình thành vùng công nghiệp năng lượng sạch (điện gió – dự án trên biển) tại khu vực bờ biển thuộc địa bàn xã Tân Điền và xã Tân Thành.

1.4. Đất TTCN-CN trong quy hoạch xây dựng đô thị:

Đất TTCN-CN trong quy hoạch đô thị bao gồm đất sản xuất TTCN-CN trong quy hoạch xây dựng thị trấn Tân Hòa, Vàm Láng và đô thị Tân Tây nhằm phục vụ nhu cầu sản xuất TTCN của dân cư đô thị và là địa điểm để các cơ sở sản xuất CN ít gây ô nhiễm môi trường từ khu vực trung tâm đô thị di dời ra khu vực ngoại vi. Vị trí và quy mô đã được đề xuất trong quy hoạch chung xây dựng đô thị.

1.5. Các vùng, không gian phát triển công nghiệp khuyến khích xây dựng khu công nghiệp, khu kinh tế; các khu công nghiệp, cụm công nghiệp được quản lý phù hợp với Đề án thành lập và Quy hoạch xây dựng khu công nghiệp, cụm công nghiệp được phê duyệt.

2. Quy định đối với vùng, không gian phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản

2.1. Định hướng vùng, không gian phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản phù hợp với Điều chỉnh Quy hoạch Phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tỉnh Tiền Giang đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 633/QĐ- UBND ngày 13/3/2018.

Định hướng phát triển hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, quy mô lớn trên cơ sở quy hoạch nông thôn mới; xây dựng các vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao; tập trung chuyển đổi sang các loại cây nông sản có giá trị hàng hóa cao; thực hiện đổi thửa và chuyển dịch cơ cấu lao động trong nông nghiệp; đẩy mạnh phát triển cây ăn quả và các loại cây có giá trị kinh tế cao. Phát triển các vùng chăn nuôi tập trung, vùng nuôi trồng thủy sản có quy mô lớn và công nghệ hiện đại, gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tạo chuỗi liên kết trong sản xuất nông nghiệp, thủy sản.

2.2. Tiểu vùng giáp thị xã Gò Công: gồm các xã Tân Tây, Tân Đông, Bình Ân, Bình Nghị, một phần các xã Tân Phước, Gia Thuận, Kiểng Phước, Tân Điền, Phước Trung, Tăng Hòa, Tân Thành. Tiểu vùng này chiếm khoảng 88,3% diện tích toàn huyện, có 6-8 tháng/năm chịu ảnh hưởng nước lợ mặn; định hướng phát triển chủ yếu là lúa, phát triển rau màu, sơ-ri và thanh long trên giồng cát và chăn nuôi bò, dê, gia cầm hộ gia đình, trang trại qui mô nhỏ.

2.3. Tiểu vùng ven biển: bao gồm phần ven biển ngoài đê, bao gồm một phần Thị trấn Vàm Láng, các xã Tân Phước, Gia Thuận, Kiểng Phước, Tân Điền, Phước Trung, Tăng Hòa, Tân Thành chiếm khoảng 7,1% diện tích toàn huyện, có 8-12 tháng/năm chịu ảnh hưởng nước lợ mặn; định hướng phát triển chủ yếu là thủy sản và rừng; nuôi tôm nước lợ mặn thâm canh; nuôi nghêu vùng bãi triều; rừng dừa nước, mắm, đước vùng bãi triều.

3. Quy định đối với vùng, không gian phát triển thương mại, dịch vụ và du lịch

3.1. Định hướng vùng và không gian phát triển thương mại, dịch vụ phù hợp với Quy hoạch Phát triển thương mại tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3999/QĐ-UBND ngày 29/12/2010.

3.2. Mạng lưới chợ sẽ được tiếp tục hình thành đồng bộ từ chợ trung tâm huyện, các thị trấn đến các chợ trung tâm xã. Ưu tiên quy hoạch và xây dựng mở rộng chợ thị trấn Tân Hòa, chợ Tân Tây, chợ thị trấn Vàm Láng, chợ Tân Thành, chợ Đền Đỏ. Tại thị trấn Vàm Láng, xây dựng chợ đầu mối và sàn giao dịch thủy sản nằm trong cụm phức hợp công nghiệp-bến cá-chợ đầu mối.

Đến năm 2030, sẽ nâng cấp chợ huyện Gò Công Đông tại thị trấn Tân Hòa thành trung tâm mua sắm và xây mới một số siêu thị hạng III tại thị trấn Tân Hòa, Tân Tây.

3.3. Khu thương mại, dịch vụ: hình thành một số khu thương mại - dịch vụ tổng hợp ở các khu dân cư của thị trấn Tân Hòa, thị trấn Vàm Láng, Tân Tây, khu vực biển Tân Thành và tại các trung tâm cụm xã trên địa bàn huyện.

3.4. Trung tâm bán buôn hàng công nghiệp tiêu dùng (bao gồm cả Trung tâm logistics): xây dựng tại khu vực Cửa Soài Rạp đến Vàm Láng 01 trung tâm bán buôn hàng công nghiệp tiêu dùng.

3.5. Xung quanh khu vực cửa Soài Rạp sẽ phát triển mạnh hệ thống kho nhiên liệu, góp phần bảo đảm an ninh năng lượng Quốc gia.

3.6. Các khu vực nông thôn tại trung tâm xã, trung tâm liên xã đầu tư xây dựng hạ tầng dịch vụ: Hoàn thiện hệ thống chợ nông thôn, phát triển hệ thống cửa hàng tiện lợi, cửa hàng chuyên doanh, các khu vực đầu mối tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp, thúc đẩy hoạt động dịch vụ nông thôn gắn kết chặt chẽ với quá trình xây dựng nông thôn mới.

3.7. Tại các khu công nghiệp phát triển hạ tầng thương mại bán lẻ phục vụ công nhân tại các khu công nghiệp có khu nhà ở công nhân, các loại hình thương mại chủ yếu bao gồm: Cửa hàng tiện lợi, khu dịch vụ để tạo thành khu thương mại, dịch vụ tổng hợp; bên cạnh đó, hình thành các hoạt động thương mại bán lẻ nội khu hoặc ngoại khu ở các dự án xây dựng các khu đô thị, khu công nghiệp.

3.8. Tại các khu du lịch tập trung phát triển các loại hình hạ tầng thương mại đặc trưng phục vụ nhu cầu mua sắm của khách du lịch như khu ẩm thực, khu mua sắm, khu bán hàng ban đêm, cửa hàng lưu niệm, cửa hàng trưng bày và giới thiệu sản phẩm thương hiệu, truyền thống của tỉnh gắn với các điểm, tuyến, khu du lịch đã được quy hoạch.

3.9. Định hướng phát triển ngành du lịch phù hợp với và Quy hoạch phát triển du lịch tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2369/QĐ-UBND ngày 03/10/2013 và Quy hoạch xây dựng vùng huyện Gò Công Đông, tỉnh Tiền Giang đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 988/QĐ-UBND ngày 10/4/2020.

Tổ chức các loại hình du lịch gắn với văn hóa, cộng đồng và làng nghề (du lịch Homestay), lịch sử và truyền thống để du khách tham gia các hoạt động văn hóa, sản xuất truyền thống đặc thù của địa phương.

Mở rộng đất phát triển du lịch tại bãi biển Tân Thành (hướng về làng cá Đèn Đỏ) khoảng 35 ha để mời gọi đầu tư xây dựng khu “Đô thị du lịch biển” hiện đại nhằm khai thác lợi thế tiếp cận cảnh quan biển Đông và tạo điểm nhấn ấn tượng tại khu vực phía Đông Nam của huyện. Khu đô thị biển với nhiều loại hình hoạt động phong phú như: Nhà ở biệt thự kết hợp nghỉ dưỡng, khu phố thương mại (Shophouse), khách sạn – nhà hàng cao cấp, khu vui chơi giải trí – công viên chuyên đề biển hiện đại, trung tâm mua sắm, trung tâm hội nghị – triển lãm, bến du thuyền, bãi biển nhân tạo, khu vui chơi dưới nước,

Điều 5. Quy định về quản lý hệ thống đô thị và nông thôn

1. Quy định về quản lý hệ thống đô thị

1.1. Định hướng phát triển hệ thống đô thị trên địa bàn huyện phù hợp với Quy hoạch xây dựng vùng tỉnh Tiền Giang đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3492/QĐ-UBND ngày 24/12/2013.

1.2. Thị trấn Tân Hòa:

- Quy mô:

+ DT đất hiện trạng 2019: 323,2 ha. Cần thiết mở rộng thêm diện tích để đạt tiêu chuẩn $\geq 14 \text{ km}^2$.

+ Đất xây dựng đô thị năm 2030: 117 ha; năm 2045: 230 ha.

+ Dân số hiện trạng 2019: 5.609 người.

+ Dân số đô thị năm 2030: dự kiến khoảng 6.500 người; năm 2045: dự kiến khoảng 11.500 người

- Tiềm năng và động lực phát triển:

+ Thị trấn là đô thị loại V thuộc huyện, là Trung tâm hành chính, chính trị huyện Gò Công Đông.

+ Động lực phát triển chính: Phát triển thương mại – dịch vụ, du lịch.

1.3. Thị trấn Vàm Láng:

- Quy mô:

+ DT đất hiện trạng 2019: 751,8 ha. Cần thiết mở rộng thêm diện tích để đạt tiêu chuẩn $\geq 14 \text{ km}^2$.

+ Đất xây dựng đô thị: năm 2030: 630 ha; năm 2045: 1.000 ha.

+ Dân số hiện trạng 2019: 13.483 người.

+ Dân số đô thị đến năm 2030: dự kiến 35.000 người; 2045: dự kiến 50.000 người.

- Tiềm năng và động lực phát triển:

+ Thị trấn là đô thị loại IV thuộc huyện (dự kiến 2025).

+ Động lực phát triển chính: Đô thị phục vụ phát triển công nghiệp - dịch vụ gắn với kinh tế biển và vùng công nghiệp Gò Công.

1.4. Đô thị Tân Tây

- Quy mô:

+ DT đất hiện trạng 2019: 1.452,8 ha.

+ Đất xây dựng đô thị: 2030: 245,25 ha; 2045: 300 ha.

+ Dân số hiện trạng 2019: 13.515 người.

+ Dân số đô thị 2030: dự kiến 13.625 người; 2045: dự kiến 15.000 người.

- Tiềm năng và động lực phát triển:

+ Thị trấn là đô thị loại V thuộc huyện (dự kiến 2025).

+ Động lực phát triển chính: Đô thị trung chuyển hàng hóa phía Tây của huyện. Phát triển thương mại – dịch vụ, công nghiệp vệ tinh.

2. Quy định quản lý các xã nông thôn

2.1. Quản lý và xây dựng các xã nông thôn theo tinh thần Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về “Nông nghiệp, nông dân và nông thôn” với mục tiêu “Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội từng bước hiện đại, cơ cấu kinh tế và hình thức tổ chức sản xuất hợp lý gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ, phát triển đô thị theo quy hoạch, xã hội nông thôn ổn định, giàu bản sắc văn hóa dân tộc, dân trí được nâng cao, môi trường sinh thái được bảo vệ, đời sống nhân dân ổn định và phát triển”.

2.2. Giai đoạn đến năm 2020: Hoàn thành quá trình xây dựng xã nông thôn mới trên địa bàn huyện, hoàn thiện và nâng cao các tiêu chí đối với xã nông thôn mới, lựa chọn các xã có điều kiện thuận lợi để triển khai thí điểm xây dựng xã nông thôn mới kiểu mẫu; Giai đoạn 2021 - 2025 triển khai rộng rãi mô hình xã nông thôn mới kiểu mẫu, phấn đấu đến năm 2025 đưa huyện Gò Công Đông trở thành huyện nông thôn mới kiểu mẫu.

Điều 6. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng

1. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng xã hội mang tính chất vùng, liên vùng

1.1. Quy định về trung tâm hành chính

Trung tâm hành chính huyện Gò Công Đông đặt tại thị trấn Tân Hòa; Là trung tâm hành chính cấp huyện, có quy mô đầu tư xây dựng phù hợp với xu hướng phát triển tổ chức hành chính mới và định hướng phát triển của huyện.

Trung tâm hành chính thị trấn được đầu tư xây dựng tại thị trấn Vàm Láng, đô thị Tân Tây; trung tâm hành chính các xã được xây dựng phù hợp với xu hướng phát triển tổ chức hành chính mới.

1.2. Quy định đối với mạng lưới công trình Y tế

Xây dựng mạng lưới công trình Y tế hiện đại, hoàn chỉnh, hoạt động hiệu quả và phát triển toàn diện, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe ngày càng cao, đa dạng của nhân dân. Phát triển hệ thống cơ sở vật chất Y tế theo quy định tại Thông tư số 23/2005/TT-BYT ngày 25/8/2005 của Bộ Y tế về hướng dẫn xếp hạng các đơn vị sự nghiệp y tế.

Quy hoạch đến hết năm 2020, dự kiến có 12 giường bệnh/vạn dân và 2,5-3,0 bác sĩ/vạn dân. Năm 2030 là 20 giường bệnh/vạn dân và 4 bác sĩ/vạn dân.

Kết cấu hạ tầng và trang thiết bị: Tăng cường đầu tư trang thiết bị y tế theo quy chuẩn cho Trung tâm y tế huyện, đáp ứng nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân, tranh thủ các nguồn đầu tư để thực hiện các dự án về y tế, nhất là ở nông thôn, vùng xa.

Tăng quy mô giường bệnh theo lộ trình, đầu tư nâng cấp mở rộng Trung tâm y tế cơ sở Tân Hòa để nâng cao năng lực khám và điều trị cho người dân trên địa bàn huyện.

1.3. Quy định đối với mạng lưới Văn hóa, Thể thao

Phát triển mạng lưới công trình văn hóa, thể thao theo hướng đồng bộ, hiện đại theo quy định của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Thông tư số 01/2010/TT-BVHTTDL ngày 26/02/2010 ban hành Quy chế về tổ chức và hoạt động của tổ chức sự nghiệp hoạt động trong lĩnh vực văn hóa, thể thao và du lịch quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và Thông tư số 11/2010/TT-BVHTTDL ngày 22/12/2010 quy định tiêu chí của Trung tâm Văn hóa - Thể thao quận, huyện, thị xã, thành phố trực thuộc tỉnh.

- Văn hóa-thông tin:

Các công trình trọng điểm về thông tin là nâng cấp và tăng cường trang thiết bị cho Trung tâm Văn hóa, thể thao và truyền thanh huyện; Trang bị thêm cho các trạm truyền thanh xã; Tăng cường trang bị cho đội thông tin lưu động.

+ Xây dựng các phòng đọc sách xã bằng nguồn vốn xã hội hóa.

+ Nâng cấp cơ sở vật chất Trung tâm văn hóa - TDTT các xã, thị trấn kết hợp nâng cao chất lượng hoạt động văn hóa tại địa phương bằng nhiều nội dung phong phú.

- Thể dục thể thao:

Các công trình thể dục thể thao trọng điểm gồm:

+ Nâng cấp sân vận động huyện, các sân bóng đá xã.

+ Đầu tư mới các sân bóng đá xã còn thiếu. Nâng cấp Trung tâm văn hóa - thể thao và truyền thanh huyện đạt chuẩn vào năm 2020.

+ Trang bị dụng cụ thể dục thể thao cho trường học, các xã theo hướng huy động mọi nguồn vốn của ngân sách và sự đóng góp của toàn xã hội.

Khuyến khích nhân dân xây dựng các sân quần vợt, cầu lông, bóng chuyền, bóng rổ, bóng đá mini, phòng tập thể dục, phòng tập thể hình, hồ bơi...

1.4. Quy định đối với mạng lưới công trình giáo dục

Xây dựng mạng lưới công trình giáo dục theo hướng đồng bộ, hiện đại, phù hợp với xu thế nhằm đổi mới và nâng cao chất lượng giáo dục, phù hợp với định hướng phát triển ngành giáo dục.

Đến cuối năm 2020, có 70% trường tiểu học, 50% trường THCS, 100% trường THPT và 50% trường mầm non đạt chuẩn Quốc gia; Phần đầu đến năm 2030 có 100% trường các cấp đạt chuẩn Quốc gia theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Tăng cường đầu tư nâng cấp mở rộng trường sở và trang thiết bị trường học.

1.5. Quy định đối với hệ thống nhà ở đô thị và nông thôn

Phát triển hệ thống nhà ở đô thị, nông thôn đồng bộ hiện đại phù hợp với xu hướng mới; phù hợp với Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3699/QĐ-UBND ngày 23/12/2015.

Tại khu vực đô thị: Phát triển hệ thống nhà ở đô thị theo quy hoạch; Xây dựng Chương trình phát triển nhà ở và Kế hoạch phát triển nhà ở theo hướng đồng bộ hiện đại, khuyến khích xây dựng nhà chung cư cao tầng; đảm bảo tỷ lệ đất xây dựng Nhà ở xã hội theo quy định.

Tại khu vực nông thôn: Phát triển nhà ở theo mô hình khu dân cư nông thôn kiểu mẫu, quy mô từ 3 ha - 10 ha, đồng bộ hiện đại và giàu bản sắc.

Tại khu vực công nghiệp: Phát triển hệ thống nhà ở xã hội, nhà ở cho công nhân lao động gắn với quy hoạch các khu công nghiệp theo mô hình khu công nghiệp tổng hợp (công nghiệp - dịch vụ - đô thị).

2. Quy định về vị trí, vai trò, chức năng, quy mô các công trình hạ tầng kỹ thuật mang tính chất vùng, liên vùng.

2.1. Quy định quản lý cao độ nền.

- Xây dựng hệ thống cao độ nền phù hợp với điều kiện tự nhiên, hiện trạng vùng, khoa học và bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

- Cao độ nền xây dựng đô thị: Các khu vực trong phạm vi quy hoạch có hiện trạng cao hơn + 2,50 m thì vẫn giữ theo hiện trạng. Đối với các khu vực khác thấp hơn sẽ tiến hành san lấp mặt nền cục bộ theo từng giai đoạn, từng dự án, đảm bảo tuân thủ cao độ xây dựng và hướng dốc mặt nền chung.

- Cao độ nền xây dựng điểm dân cư nông thôn tập trung: Cao độ xây dựng chung cho các điểm dân cư các xã trong vùng huyện là: $H_{xd} \geq + 2,20$ m.

- Tại khu vực phát triển công nghiệp: $H_{xd} \geq + 2,30$ m.

- Hệ thống cao độ nền được quản lý trên cùng hệ cao độ Quốc gia, xây dựng hoàn thiện hệ thống cao độ Quốc gia hạng IV tại các xã trên địa bàn huyện, phục vụ công tác quản lý và đầu tư xây dựng.

2.2. Quy định đối với công trình giao thông

Phát triển mạng lưới công trình giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại, đáp ứng yêu cầu phát triển ngày càng cao của xã hội, phù hợp với Quy hoạch phát triển giao thông vận tải huyện Gò Công Đông đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 597/QĐ-UBND ngày 07/3/2018.

a) Giao thông bộ

- Đường tỉnh:

+ Quy hoạch đến năm 2030:

. Nâng cấp các tuyến đường từ cấp IV lên cấp III.

. Nâng cấp các tuyến ĐH 02 (nâng cấp - nối dài), ĐH 03 thành các tuyến

đường tỉnh cấp III.

. Quy hoạch mở rộng 2 làn đường tuyến đường 871B (nâng từ cấp II lên cấp I) kết nối QL50 đến khu công nghiệp phía Đông Bắc của huyện (dọc sông Soài Rạp) dài 7,33 km.

+ Quy hoạch đến năm 2045:

. Duy trì các cấp đường theo quy hoạch giai đoạn 2030.

. Quy hoạch trực phát triển du lịch dọc sông Tiền (từ TP. Mỹ Tho đến ĐT. 862 biển Tân Thành huyện Gò Công Đông (qua địa bàn huyện dài 8,4 km) tương đương đường tỉnh cấp III, trên cơ sở nâng cấp các tuyến đường hiện có: ĐH.08 (2,9 km); ĐH.09 (5,5 km).

. Xây dựng mới kết hợp nâng cấp tuyến Hành lang ven biển (tương đương cấp đường tỉnh, cấp III), chiều dài toàn tuyến: 23,957 km (xây dựng mới: 9,757 km; nâng cấp tuyến ĐH 07: 14,200 km).

- Đường huyện:

+ Quy hoạch đến năm 2030:

. Nâng cấp các tuyến đường từ cấp V, VI lên cấp IV.

. Nâng cấp các tuyến ĐH.02, ĐH.03 thành các tuyến đường tỉnh.

. Nối dài tuyến ĐH.05B trên cơ sở nâng cấp tuyến đường Giồng Lãnh xã Tăng Hòa.

. Nối dài tuyến ĐH.07.

. Chuyển đổi 1 đoạn Đường huyện 10 thành đường phục vụ phát triển khu CN phía Đông.

+ Quy hoạch đến năm 2045:

. Duy trì các cấp đường theo quy hoạch giai đoạn 2030.

. Nâng cấp các tuyến đường ĐH.08; ĐH.09 thành đường tỉnh phát triển du lịch dọc sông Tiền.

. Nâng cấp tuyến ĐH.07 thành 1 đoạn của tuyến Hành lang ven biển.

- Hệ thống đường liên xã: Hoàn chỉnh trải nhựa, kiên cố hóa các cầu tối thiểu tải trọng 8 tấn.

- Hệ thống đường đô thị: Xây dựng mới theo tiên độ hình thành các đô thị (Tân Hòa, Vàm Láng, Tân Tây) và các trung tâm xã vệ tinh (Tân Thành-Đền Đỏ, Gia Thuận, Tân Phước, Kiểng Phước).

- Hệ thống đường nông thôn, đường hẻm đô thị: Hoàn chỉnh trải nhựa hoặc bê tông.

- Hệ thống đường trong khu, cụm công nghiệp: Xây dựng mới theo tiên độ hình thành các khu, cụm công nghiệp.

- Giao thông tỉnh:

. Cải tạo nâng cấp bến xe thị trấn Tân Hòa với diện tích 4.200m², bến xe thị trấn Vàm Láng với diện tích 3.200 m².

. Bãi đỗ xe: xây dựng các bãi đỗ xe tại xã Bình Ân, Tân Thành, Tân Tây,

Kiêng Phước, Tân Phước và bố trí 1 phần diện tích đất tại 2 bến xe thị trấn Tân Hòa, Vàm Láng làm bãi đỗ xe kết hợp làm kho tàng, bến bãi.

. Đến năm 2030, duy trì 02 bến xe khách và các bãi đỗ xe công cộng hiện có, áp dụng công nghệ hiện đại vào quản lý, khai thác bến, bãi đỗ xe.

b) Giao thông thủy:

- Nạo vét các tuyến đường thủy hiện có và các công trình thủy lợi cấp vùng (tuyến ven sông Tiền, tuyến ven sông Vàm Cỏ - Soài Rạp, tuyến đê biển Tân Thành), kết hợp đồng bộ với phát triển giao thông bộ.

- Đến năm 2020: quy hoạch 06 bến thủy nội địa chính, cụ thể: Bến phà Bến Chùa, bến đò Đền Đỏ, bến đò Gia Thuận, bến thủy Vàm Láng, bến thủy Tân Phước, bến thủy Tân Trung

- Đến năm 2030 và định hướng đến năm 2045: duy trì các bến thủy hiện có.

- Xây dựng mới bến phà biển Vàm Láng – Cần Giờ phục vụ du lịch.

- Xây dựng cảng biển vận tải cho tàu du lịch cao tốc kết nối từ Tân Thành đi Vũng Tàu để phát triển du lịch biển.

c) Dịch vụ vận tải và logistics:

Xây dựng bến cảng biển trên sông Vàm Cỏ (xã Tân Phước); sông Soài Rạp (xã Gia Thuận) và hoàn thành Khu neo đậu tránh bão ở cửa sông Soài Rạp (thị trấn Vàm Láng)...

2.3. Quy định đối với công trình cấp nước

Phát triển hệ thống công trình cấp nước theo hướng đồng bộ, hiện đại, sử dụng hợp lý nguồn nước mặt.

a) Nguồn cấp nước:

- Giai đoạn 1: Đường ống nước chuyên tải từ nhà máy nước Đồng Tâm về đến thị xã Gò Công sẽ chia thành 2 nhánh (nhánh 1 từ TX Gò Công - Tân Tây - Vàm Láng dài 15 km và nhánh 2 từ TX Gò Công - Tân Hòa - Tân Thành), sẽ từng bước chuyển đổi nguồn cấp nước (từ nước trữ trong ao sang nước máy), trước mắt tại các trạm đô thị và khu công nghiệp, các trạm đã quá tải và có hiện tượng nhiễm bẩn, nhiễm mặn.

- Giai đoạn 2: Triển khai dự án “Mạng lưới đường ống cấp nước phía Đông và trạm bơm tăng áp Gò Công” trên địa bàn huyện Gò Công Đông nhằm tiếp nhận hết lưu lượng nước từ nhà máy nước Đồng Tâm cho khu vực dự án để thay thế toàn bộ nguồn nước tại chỗ bằng nguồn nước tập trung. Đảm bảo chất lượng nguồn nước sạch cung cấp, dự trữ nước ngầm cho khu vực để giảm bớt hiện tượng xâm nhập mặn và phù hợp với chính sách giảm bớt khai thác nguồn nước ngầm của Chính phủ.

b) Hệ thống phân phối:

- Giai đoạn 1:

+ Triển khai kế hoạch đầu tư mới các tuyến ống cấp nước sinh hoạt đến các cụm dân cư trên địa bàn huyện.

+ Đầu tư cải tạo các tuyến ống cũ, phát triển mới các tuyến ống cấp nước cho các khu vực chưa có hệ thống cấp nước và các khu dân cư trên địa bàn. Hỗ trợ kéo các tuyến ống do người dân tự góp vốn hoặc có giải pháp phù hợp để người dân có nước sử dụng.

+ Triển khai xây dựng các tuyến ống chuyển tải thuộc giai đoạn 2 của dự án “Xây dựng mạng lưới đường ống tiếp nhận nước sạch từ hệ thống cấp nước Đồng Tâm phân phối cho thị xã Gò Công và huyện Gò Công Đông – Giai đoạn 2”.

+ Đầu tư tuyến ống chuyển tải HDPE dọc theo Đường tỉnh 871, đoạn từ trạm cấp nước Vàm Láng đến cảng cá Vàm Láng.

+ Đầu tư nâng cấp tuyến ống chuyển tải HDPE dọc theo Đường huyện 10, đoạn từ Đường tỉnh 871 đến Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp.

+ Đầu tư kéo các tuyến ống nhánh rẽ trên địa bàn dân cư đó có tuyến ống chính đi qua, nhằm sớm hoàn chỉnh mạng lưới cấp nước khu vực trạm cấp nước phụ trách và người dân sớm được hưởng lợi từ dự án này.

+ Cải tạo lại mạng lưới cấp nước từ các trạm cấp nước tập trung đã xây dựng trước đây để đảm bảo kết nối với đường ống chuyển tải từ nhà máy nước Đồng Tâm về.

- Giai đoạn 2:

+ Mạng lưới đường ống được xây dựng để phục vụ cho nhu cầu dùng nước đến năm 2030. Mạng lưới cấp nước của dự án bao gồm các tuyến ống cấp 2, 3 được đấu nối từ tuyến chuyển tải đã thi công thuộc giai đoạn 1.

+ Hạng mục mạng lưới đường ống phía Đông (khu vực huyện Gò Công Đông) gồm 4 tuyến ống có đường kính từ D315 đến D400.

2.4. Quy định đối với công trình cấp điện

Phát triển hệ thống công trình cấp điện theo hướng đồng bộ, hiện đại đáp ứng yêu cầu điện sinh hoạt, sản xuất trên địa bàn huyện phù hợp với Hợp phần 2 của Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2016 - 2025, có xét đến 2035 - Hợp phần Quy hoạch chi tiết phát triển lưới điện trung và hạ áp sau các trạm 110kV đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 4210/QĐ-UBND ngày 26/12/2018.

- Nguồn điện: Hiện nay huyện Gò Công Đông được cấp điện chủ yếu từ trạm 110/22kV Gò Công công suất 2x40 MVA.

- Hệ thống truyền tải:

+ Giai đoạn 2020: xây dựng mới trạm biến áp 110kV/22kV Soài Rạp, tiến hành cải tạo, xây mới các tuyến trục để tạo mạch vòng cho các lộ ra 22kV. Đồng thời còn xây dựng mới các nhánh rẽ đường dây trung, hạ thế, trạm biến áp và cải tạo các nhánh rẽ nhỏ để cung cấp cho các phụ tải mới nhằm đáp ứng nhu cầu phụ tải của huyện Gò Công Đông trong tương lai.

+ Giai đoạn 2021-2025: xây dựng mới trạm biến áp 110/22kV Gò Công Đông công suất 40MVA và nâng công suất trạm biến áp 110/22kV Soài Rạp từ 40MVA lên 80MVA.

+ Giai đoạn sau 2025: cải tạo, xây dựng mới các nhánh rẽ đường dây

trung, hạ thế và trạm biến áp để cung-cấp cho các phụ tải mới nhằm đáp ứng nhu cầu phụ tải của các xã trong huyện Gò Công Đông trong tương lai.

2.5. Thông tin liên lạc:

- Bưu chính: Quy hoạch các điểm đại lý bưu điện tại các thị trấn, trung tâm xã và các trung tâm thương mại – dịch vụ trong khu dân cư và các khu, cụm công nghiệp, cảng trên địa bàn vùng huyện.

- Viễn thông: Phát triển cáp quang đến tận cấp xã và thuê bao, hướng đến dùng chung các cơ sở hạ tầng viễn thông (trạm BTS, công cấp, bả cáp, cột treo cáp). Tiếp tục mở thêm nhiều dịch vụ viễn thông phục vụ đa lĩnh vực.

2.6. Quy định đối với công trình thoát nước thải, quản lý chất thải rắn (CTR) và nghĩa trang.

- Công trình thoát nước thải:

Đầu tư xây dựng hệ thống thoát nước, công trình đầu mối thoát nước phù hợp với điều kiện tự nhiên hiện trạng, quy hoạch thoát nước được phê duyệt, theo hướng đồng bộ hiện đại gồm: Trạm xử lý nước thải tại đô thị, khu công nghiệp, khu chức năng đặc thù, hệ thống trạm bơm, hệ thống kênh mương thủy lợi.

+ Tại các khu vực đô thị loại IV, V như: thị trấn Tân Hòa, Vàm Láng, Tân Tây, xây dựng hệ thống thoát nước mưa và nước thải đồng bộ với tiến độ xây dựng các trục giao thông.

+ Tại các khu, cụm công nghiệp, quy hoạch, thiết kế và xây dựng các tuyến nước thải, điểm thu hồi nước, trạm bơm và các khu xử lý.

- Công trình xử lý rác thải:

Phát triển công trình xử lý rác thải phù hợp với Quy hoạch quản lý chất thải rắn trên địa bàn tỉnh Tiền Giang giai đoạn 2011-2020, tầm nhìn đến năm 2030, đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3212/QĐ- UBND ngày 11/12/2013.

+ Duy trì bãi rác của huyện tại xã Kiểng Phước với quy mô hiện trạng là 2,2 ha (giáp bờ sông Soài Rạp) để tập trung và xử lý CTR phát sinh trên địa bàn huyện.

+ Quy hoạch xây dựng mới khu xử lý CTR vùng công nghiệp Gò Công có quy mô 50 ha tại khu vực công nghiệp Gò Công (xã Tân Phước, huyện Gò Công Đông) để xử lý CTR phát sinh từ các khu, cụm công nghiệp khu vực công nghiệp Gò Công và hỗ trợ xử lý cho các bãi rác phía Đông của tỉnh.

- Nghĩa trang:

Đầu tư xây dựng nghĩa trang tại khu vực đô thị và nông thôn tuân thủ theo các quy định hiện hành của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang và Quy hoạch nghĩa trang trên địa bàn tỉnh Tiền Giang đến năm 2020 tầm nhìn đến năm 2030 được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 2505/QĐ- UBND ngày 15/10/2014. Tại khu vực nông thôn khuyến khích xây dựng nghĩa trang nhân dân kiểu mẫu

+ Hệ thống nghĩa trang trên địa bàn huyện được bố trí theo quy hoạch đô thị và quy hoạch xây dựng nông thôn mới được phê duyệt.

+ Quy hoạch Nghĩa trang của huyện tại xã Kiểng Phước với hình thức địa táng 1 lần và xây dựng Nhà hỏa táng để giảm diện tích sử dụng đất. Nghĩa trang được xây dựng với mô hình “Công viên – nghĩa trang”. Quy mô nghĩa trang dự kiến khoảng 5 ha.

2.7. Quy định đối với công trình thủy lợi.

Hệ thống thủy lợi trên địa bàn huyện hiện nay đã khép kín, bảo đảm phục vụ tốt nhu cầu canh tác, sản xuất của nhân dân. Cần thường xuyên gia cố, nạo vét hệ thống thủy lợi.

Giai đoạn sau năm 2030, tập trung đầu tư xây dựng mới các tuyến đê bao bảo vệ thị trấn Vàm Láng trước tình hình biến đổi khí hậu, nước biển dâng với giải pháp nâng cao cốt các tuyến đường 2 bên sông Cần Lộc và xây mới các tuyến đê bao dọc cửa Soài Rạp kết nối với tuyến đê bao hiện có.

Điều 7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang an toàn đối với các công trình đầu mối, các công trình hạ tầng kỹ thuật chính theo tuyến mang tính chất vùng, liên vùng và các biện pháp bảo vệ môi trường.

1. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông

1.1. Quy định quỹ đất dành cho kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ: Tỷ lệ quỹ đất giao thông đô thị so với đất xây dựng đô thị phải đảm bảo từ 16% đến 26%. Cụ thể tỷ lệ đối với các đô thị loại IV, loại V từ 16% đến 18%.

1.2. Phát triển mạng lưới giao thông phải đa dạng hóa các loại hình giao thông, chú trọng giao thông công cộng thân thiện môi trường.

1.3. Đối với đường bộ: Giới hạn hành lang an toàn đường bộ được quy định trong Luật Giao thông đường bộ năm 2008; Nghị định số 11/2010/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Nghị định số 100/2013/NĐ-CP ngày 03/9/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.

1.4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình giao thông tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-4:2016/BXD - Công trình giao thông.

1.5. Đối với đường thủy: Nội dung và phạm vi bảo vệ công trình thuộc kết cấu hạ tầng giao thông đường thủy nội địa và hành lang bảo vệ luồng quy định trong Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2004 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa năm 2014.

2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp nước

2.1. Lựa chọn nguồn nước mặt cung cấp nước thô chủ yếu cho các nhà máy nước, nguồn nước mặt khai thác phải đảm bảo theo Tiêu chuẩn xây dựng TCXD 233:1999 Các chỉ tiêu lựa chọn nguồn nước mặt - nước ngầm phục vụ hệ thống cấp nước sinh hoạt. Chất lượng nước sinh hoạt phải bảo đảm yêu cầu theo QCVN 01-1:2018/BYT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước

sạch phục vụ cho mục đích sinh hoạt.

2.2. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước tuân thủ Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-1:2016/BXD - Công trình cấp nước.

2.3. Quy định về vùng bảo vệ nhà máy, trạm cấp nước: Phải xây dựng tường rào bảo vệ bao quanh khu vực xử lý nước trong phạm vi 30m kể từ chân tường các công trình xử lý. Bên trong tường rào này không được xây dựng nhà ở, công trình vui chơi sinh hoạt, vệ sinh, không được bón phân cho cây trồng và không được chăn nuôi súc vật. Khu vực bảo vệ đường ống cấp nước tối thiểu là 0,5m và đảm bảo khoảng cách tối thiểu giữa các công trình hạ tầng kỹ thuật khác theo QCVN 01:2008.

3. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước

3.1. Tổ chức mạng lưới thoát nước mưa phù hợp với điều kiện địa hình của khu vực đảm bảo nguyên tắc tự chảy kết hợp với bơm động lực cho khu vực trong đê. Hệ thống thoát nước được chia thành nhiều nhánh nhỏ để thoát ra các sông, rạch gần nhất; Trong các khu, cụm công nghiệp có nguy cơ phát thải các chất nguy hại, hệ thống thoát nước phải có bộ phận tách các thành phần nguy hại trước khi đầu nối vào hệ thống thoát nước chung của toàn khu vực quy hoạch.

3.2. Quản lý xây dựng hệ thống thoát nước mưa: Xây dựng hệ thống thoát nước riêng, hoàn chỉnh ở tất cả các khu vực xây dựng mới. Những khu vực đã có hệ thống thoát nước chung, không có khả năng cải tạo thành thoát nước riêng sẽ xây dựng giếng tách, cống bao tại cuối các tuyến cống chính trước các miệng xả, đưa về trạm xử lý tập trung trước khi xả ra môi trường.

3.3. Đối với hệ thống thoát nước cải tạo tùy theo tình hình thực tế tận dụng tối đa hiệu quả của các công trình hiện có. Quản lý vị trí đầu nối của dự án vào tuyến cống chính của đô thị. Nếu tuyến cống chính chưa xây dựng thì đơn vị cấp phép cần chỉ ra vị trí xả hoặc đầu nối tạm thời và chủ dự án phải nộp đủ chi phí cho đơn vị quản lý thoát nước đô thị để khi có tuyến cống chính đơn vị này sẽ xây dựng theo đúng quy hoạch được duyệt.

3.4. Mở rộng phạm vi phục vụ của các hệ thống thoát nước tiến tới đạt 100% đảm bảo thông thoáng các trục tiêu chính đi qua đô thị.

3.5. Quản lý chặt chẽ công tác xây dựng các cụm công trình đầu mối: Hồ điều hòa, trục kênh dẫn, cống qua đê, trạm bơm. Công suất các trạm bơm có thể phù hợp với từng giai đoạn, song cần phải xây dựng trục kênh dẫn và hồ điều hòa theo quy hoạch vừa để giữ đất vừa để chứa nước.

3.6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thoát nước tuân thủ Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-2:2016/BXD - Công trình thoát nước.

3.7. Hành lang bảo vệ các công trình thủy lợi: Thực hiện theo Pháp lệnh số 32/2001/PL-UBTVQH10 ngày 04/04/2001 về khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi; Luật Đê điều năm 2006.

4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện

4.1. Tuân thủ theo Luật Điện lực năm 2004; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Điện lực năm 2012; Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/02/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về an toàn điện.

4.2. Phát triển hệ thống cấp điện phải có khả năng đáp ứng nhu cầu trước mắt và đảm bảo dự phòng phát triển cho tương lai, đặc biệt là quỹ đất xây dựng công trình điện; Lưới điện trung thế, hạ thế trong phạm vi đô thị phải được từng bước hạ ngầm.

4.3. Quy định về hành lang bảo vệ an toàn lưới điện tuân thủ theo Nghị định số 14/2014/NĐ-CP ngày 26/2/2014 của Chính phủ về việc Quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực và an toàn điện.

4.4. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình cấp điện tuân thủ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-5:2016/BXD - Công trình cấp điện.

4.5. Công trình cấp điện đảm bảo đạt thông số kỹ thuật an toàn theo quy định tại Quyết định số 5131/QĐ-BCT ngày 30/12/2016 của Bộ Công Thương.

5. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin liên lạc

Thực hiện quản lý phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thông tin theo quy định tại QCVN 07-8:2016/BXD- Công trình viễn thông và QCVN 33:2011/BTTTT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về lắp đặt mạng cáp ngoại vi viễn thông.

6. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình xử lý rác thải

- Quản lý chất thải rắn tuân thủ Nghị định số 38/2015/NĐ-CP ngày 24/4/2015 của Chính phủ về việc quản lý chất thải rắn và phế liệu.

- Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình rác thải tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-9:2016/BXD - Công trình quản lý chất thải rắn và nhà vệ sinh công cộng.

7. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang

- Quản lý hệ thống nghĩa trang tuân thủ theo các quy định hiện hành của Chính phủ về xây dựng, quản lý và sử dụng nghĩa trang.

- Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình nghĩa trang tuân thủ các quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia QCVN 07-10:2016/BXD - Công trình nghĩa trang.

8. Quy định về phạm vi bảo vệ, hành lang công trình thủy lợi, đê điều

Quản lý hành lang bảo vệ, hành lang công trình thủy lợi, đê điều theo Quyết định số 04/2019/QĐ-UBND ngày 15/3/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành quy định về phân cấp quản lý, khai thác, bảo vệ công trình thủy lợi, đê điều trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

Điều 8. Quy định về bảo vệ môi trường.

1. Quy định về bảo vệ môi trường tuân thủ: Luật Bảo vệ môi trường năm 2014; Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường.

2. Các dự án nằm trong danh mục thuộc Phụ lục II Nghị định 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về Quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường được triển khai trên địa bàn cần phải lập báo cáo đánh giá tác

động môi trường và phải được cấp có thẩm quyền thẩm định.

3. Khu vực đô thị: Bảo vệ cảnh quan, cải thiện giao thông đô thị; Cải tạo cảnh quan khu vực ven sông, giảm nhẹ tác động do thay đổi sử dụng đất, nâng cao chất lượng cuộc sống, tạo việc làm, tái định cư, kiểm soát ô nhiễm môi trường đô thị và công nghiệp. Kiểm soát ô nhiễm, xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường.

4. Khu vực nông thôn: Hạn chế tác động của biến đổi khí hậu, kiểm soát ô nhiễm, giảm nhẹ tác động do tái định cư, thay đổi sử dụng đất, tạo việc làm. Trong quá trình đề xuất các định hướng quy hoạch, đồ án cần thống nhất với các giải pháp bảo vệ môi trường nhằm giải quyết tình trạng ô nhiễm môi trường bức xúc hiện nay bằng các biện pháp kỹ thuật bảo vệ môi trường.

Điều 9. Quy định về bảo tồn các di sản thiên nhiên, các công trình kiến trúc có giá trị, khu danh lam thắng cảnh, khu di tích lịch sử, văn hóa

1. Quy định về bảo vệ hành lang bảo vệ nguồn nước

Hành lang bảo vệ nguồn nước sông, kênh rạch trên địa bàn huyện, quản lý thực hiện theo Nghị định số 43/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ về việc quy định lập, quản lý hành lang bảo vệ nguồn nước.

2. Quy định về bảo tồn khu di tích lịch sử, văn hóa, các công trình kiến trúc có giá trị trong vùng

hực hiện quản lý, bảo tồn và phát huy giá trị khu di tích theo Luật Di sản Văn hoá năm 2001 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Di sản Văn hoá năm 2009; Nghị định số 98/2010/NĐ-CP ngày 21/9/2010 của Chính phủ về quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Di sản Văn hoá; Nghị định số 710/2012/NĐ-CP ngày 18/9/2012 của Chính phủ quy định thẩm quyền trình tự thủ tục lập, phê duyệt quy hoạch, dự án bảo quản, tu bổ phục hồi di tích lịch sử, văn hóa danh lam thắng cảnh. Trong đó:

- Di tích xếp hạng cấp Quốc gia: Đền thờ Anh hùng dân tộc Trương Định - Ao Dinh - Đám lá tối trời tại xã Tân Phước, Gia Thuận.

- Di tích xếp hạng cấp tỉnh: 12 di tích cấp tỉnh trên địa bàn huyện.

Phần III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Phân công quản lý thực hiện

1. Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn triển khai, quản lý việc thực hiện Quy định này.

2. Các Sở, Ban ngành, tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động xây dựng và tham gia vào hoạt động quản lý quy hoạch xây dựng trên địa bàn huyện Gò Công Đông phải thực hiện theo Quy định này. Trong quá trình thực hiện, nếu có phát sinh các vấn đề mới phải báo cáo Sở Xây dựng và các cơ quan liên quan xem xét, đề xuất cơ quan Nhà nước có thẩm quyền quyết định trên cơ sở phù hợp với các quy định của pháp luật và đồ án quy hoạch xây dựng vùng đã được phê duyệt.

3. Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông, Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn có trách nhiệm giám sát việc phát triển đô thị, nông thôn theo đúng quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt và có trách nhiệm báo cáo định kỳ hàng năm với Ủy ban nhân dân tỉnh và Sở Xây dựng.

4. Ủy ban nhân dân huyện Gò Công Đông căn cứ vào quy hoạch xây dựng vùng tỉnh, quy hoạch xây dựng vùng huyện được phê duyệt để tổ chức lập các quy hoạch chung đô thị và trình thẩm định, phê duyệt theo quy định.

5. Các cơ quan, đơn vị liên quan các cấp có trách nhiệm công khai, công bố, lưu giữ hồ sơ quy hoạch, cung cấp thông tin liên quan đến quy hoạch khi có tổ chức, cá nhân có yêu cầu theo quy định.

Điều 11. Quy định về khen thưởng, xử phạt

1. Các tổ chức, cá nhân đều phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về các hành vi không cung cấp thông tin quy hoạch, cố tình cung cấp sai thông tin quy hoạch, quản lý xây dựng không theo quy hoạch, xây dựng các dự án trái với quy hoạch. Thanh tra xây dựng, phối hợp các cơ quan có liên quan theo phân cấp quản lý có trách nhiệm kiểm tra mọi hoạt động xây dựng trên địa bàn do mình quản lý và báo cáo kịp thời với Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền các hành vi liên quan đến các hoạt động xây dựng trái với quy hoạch được phê duyệt, Ủy ban nhân dân các cấp ra quyết định xử phạt đối với các vi phạm trong phạm vi thẩm quyền của mình.

2. Khuyến khích và có hình thức khen thưởng phù hợp đối với các tổ chức cá nhân thực hiện nghiêm túc các hoạt động về quản lý và đầu tư xây dựng theo đúng quy hoạch, phát hiện và tố giác kịp thời các hành vi cố ý làm trái quy hoạch. /.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Anh Tuấn